TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N TỈNH KHÁNH HÒA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: **168**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 11 - 2019
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH KHÁNH HÒA

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Rực

Các Hội thẩm nhân dân:

. Ông Đinh Phú Hiền.

. Ông Nguyễn Xuân Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Việt Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Giỏi Mạnh Phi - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 378/2019/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2019 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150A/2019/QĐXX-ST ngày 22 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Bùi Quang T**; địa chỉ: 125/15 HT, phường VT, thành phố N, Khánh Hòa. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: **Nguyễn Thị H**; địa chỉ: 125/15 HT, phường VT, thành phố N, Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ có tại hồ sơ, nguyên đơn ông Bùi Quang T trình bày: Tôi (T) yêu cầu ly hôn với cô Nguyễn Thị H. Tôi và cô H tự nguyện kết hôn năm 2007, đăng ký kết hôn tại UBND phường VT, thành phố N. Chúng tôi không có con chung.

Cuộc sống chung không hạnh phúc, không có tiếng nói chung, chúng tôi thường hay cãi nhau về những chuyện không đâu, nguyên nhân là do sống chung nhiều năm mà không có con. Cô H thường xuyên bỏ nhà đi, khi về thì không nói rõ là đi đâu, tôi đã nhiều lần tha thứ, cho cô H nhiều cơ hội nhưng đời sống chung không cải thiện, chúng tôi sống ly thân đã nhiều tháng, mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay xác định tình cảm không còn, để giải thoát cho nhau, tôi yêu cầu ly hôn với cô H.

Về con chung, chúng tôi không có con chung.

Về tài sản chung, chúng tôi không có tài sản chung, không có nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị H để lấy lời khai, tham gia hòa giải nhưng bà H đều không có mặt để làm việc theo giấy triệu tập của Tòa nên Tòa án không lấy được lời khai của bà H và cũng không hòa giải được vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Bùi Quang T là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bà Nguyễn Thị H là bị đơn đã được Tòa án nhân dân thành phố N triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Mặc dù không lấy được lời khai của bị đơn và tại phiên tòa bị đơn cũng vắng mặt nhưng theo lời khai của nguyên đơn thì ông T, bà H kết hôn tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân phường VT, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa cấp chứng nhận kết hôn số 79, quyển số 01/2007, ngày 15/10/2007. Nên quan hệ hôn nhân giữa ông Bùi Quang T và bà Nguyễn Thị H được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án ông T giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà H. Xét lời khai của ông T thì cuộc sống chung vợ chồng giữa ông T, bà H có nhiều mâu thuẫn và không tìm được phương pháp nào để tiếp tục sống chung với nhau nữa. Theo ông T, do vợ chồng quan điểm sống bất đồng, sống chung lâu mà không có con nên nhiều tháng nay, mỗi người sống một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, tình cảm không còn nên ông T yêu cầu ly hôn. Như vậy mâu thuẫn giữa ông T, bà H đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để giải quyết việc ly hôn giữa hai người nhưng bà H đều không có mặt để làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án. Điều đó chứng tỏ bà H không quan tâm gì đến cuộc hôn nhân này nữa. Việc ông T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu này của ông T.

[3] Về con chung: Vợ chồng ông T, bà H không có con chung.

[4] Về tài sản chung: Ông T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều không đến Tòa án để trình bày ý kiến về việc kiện của nguyên đơn và Tòa án cũng không hòa giải được vụ án. Vì vậy không có cơ sở để giải quyết yêu cầu của bà Nguyễn Thị H.

[5] Về án phí: Ông Bùi Quang T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Ông Bùi Quang T được ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

- Về con chung: Không có con chung.

- Về tài sản chung: Ông Bùi Quang T xác định tài sản chung không có, nợ chung không có nên Tòa không xét.

2. Về án phí: Ông Bùi Quang T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm ông T đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0014777 ngày 24 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N. Ông Bùi Quang T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án, để yêu cầu Tòa án nhân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
. Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa;
. Viện kiểm sát nhân dân Tp.N;
. UBND phường VT, Tp.N;
(Đăng ký kết hôn ngày 15/10/2007);
. Thi hành án dân sự Tp.N;
. Đương sự;
. Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trọng Rực